

Bản án số: 23/2019/HS-ST

Ngày 23/5/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Quang Vinh**

2. Ông **Trần Phú Yên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Chu Ngọc** - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/TLST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức L** Sinh năm 1963,

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 28, phố L, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc : Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam;.

Con ông: Nguyễn Trọng L và bà: Lã Thị B (Đều đã chết)

Gia đình bị cáo có 08 người, bị cáo là thứ 5 trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị Kim C Sinh năm: 1964.

Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 1985 nhỏ sinh năm 1991

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 60/HSST ngày 29/12/2014 xử phạt Nguyễn Đức L 12 tháng tù cho hưởng án treo. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường A, thị xã P.

2. Họ và tên **Nguyễn Thị Bích T** Sinh năm 1960,

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: tổ 43, phố T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng).

Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc : Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Đăng C, Sinh năm 1928 và bà Phạm Thị L, Sinh năm: 1935.

Gia đình bị cáo có 4 người anh chị em ruột, bị cáo là thứ hai.

Chồng: Nguyễn L; Sinh năm: 1955, Đã ly hôn.

Bị cáo có 02 con lớn sinh 1981; con nhỏ sinh 1983

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường A, thị xã P.

3. Họ và tên: Thiều Thị Minh T Sinh năm 1965

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 5, phường T, thị xã P.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc : Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam.

Con ông: Thiều Xuân T và bà: Bùi Thị T (Đều đã chết).

Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em ruột, bị cáo là thứ 5.

Chồng thứ nhất: Dương Đình B (Đã ly hôn); Chồng thứ hai: Bùi Duy H (Đã ly hôn).

Bị cáo có 03 con Lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, thị xã P.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị K Sinh năm 1957.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 17, phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc : Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lôi Thị T (Đều đã chết).

Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em ruột, bị cáo là thứ 5.

Chồng: Nguyễn Tiến Đ; Sinh năm: 1956.

Bị cáo có 02 con Lớn sinh 1979, nhỏ sinh 1981

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thị xã P.

(Các bị cáo hôm nay có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1965

Trú tại: Phố H, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 15 phút ngày 09/01/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác của Công an thị xã P đã tiến hành kiểm tra tại nhà ở của Nguyễn Đức L, sinh năm 1963 tại tổ 28, phố L, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ bắt quả tang 04 đối tượng gồm Nguyễn Đức L; Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1960, trú tại tổ 43, phố T, phường A, thị xã P; Nguyễn Thị K, sinh năm 1957, trú tại phố S, phường H, thị xã P và Thiều Thị Minh T, sinh năm 1965, trú tại khu 5, phường T, thị xã P đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh sâm ăn tiền, thu giữ các vật chứng gồm: tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.115.000 đồng (năm triệu một trăm mười lăm ngàn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu màn hình. Ngoài ra Tổ công tác còn tạm giữ các tài sản gồm: tạm giữ của Nguyễn Đức L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng số IMEI 1: 869125023027936, số IMEI 2: 869125623027928 bên trong lắp sim số: 0915573503 và 0779295863; tạm giữ của Thiều Thị Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu vàng đồng số IMEI 1: 980028002936859. Số IMEI 2: 980028002936867 bên trong lắp sim số 0399199350; tạm giữ của Nguyễn Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động PHILIPS màu vàng số IMEI 1: 8699220021476953; số IMEI 2: 868922021577958 bên trong lắp sim số 0912785578 và 0963126609 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh số IMEI 1: 8679070304470965, số IMEI 2 867907030510976 bên trong lắp sim số 0829611560; tạm giữ của Nguyễn Thị K 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số IMEI: 356215042157868 bên trong lắp sim số 0977297408. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và đưa các đối tượng trên về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng trên đã khai nhận về hành vi đánh bạc của mình như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2019 Nguyễn Thị Bích T cùng với Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T đến nhà ở của Nguyễn Đức L ở phố L, phường A, thị xã P chơi. Cả bốn người ngồi chơi uống nước với nhau, sau đó cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh sâm được thua bằng tiền. Nguyễn Đức L lấy ra một chiếc chiếu màn hình sau đó trải xuống nền hành lang tầng hai nhà ở của L và lấy một bộ bài Tú lơ khơ 52 quân ra để cùng với T, K, T đánh bạc. Bốn đối tượng ngồi xuống chiếu theo vòng tròn và ngồi đánh bạc đến 16 giờ 15 phút cùng ngày

thì bị Công an thị xã vào kiểm tra và bắt quả tang như đã nêu trên. Quá trình đánh bạc tại nhà L, các đối tượng không phải nộp tiền hồ cho L. Khi cơ quan công an phát hiện bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại nhà Nguyễn Đức L còn có anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 trú tại phường A, thị xã P đến chơi. Anh N không tham gia mà ngồi xem các đối tượng đánh bạc với nhau.

Về số tiền dùng để đánh bạc các đối tượng khai nhận như sau: trước khi tham gia đánh bạc Nguyễn Đức L có khoảng 500.000đ, Nguyễn Thị Bích T có khoảng 2.000.000đ; Nguyễn Thị K có khoảng 1.000.000đ, Thiều Thị Minh T có 1.610.000đ. Bốn bị can L, T, K và T đã dùng toàn bộ số tiền trên của mình vào việc đánh bạc. Khi bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang số tiền này các đối tượng đều để trên chiếu bạc, tất cả đều không xác định được số tiền thắng, thua cụ thể là bao nhiêu.

Về cách thức chơi (đánh sâm), số tiền thắng, thua mỗi ván những người chơi cùng thống nhất như sau: Dùng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài chia cho những người chơi, mỗi người 10 quân bài. Bài được xếp theo bộ, dây, đôi hoặc lẻ từng quân tùy ý, không phân biệt màu, chất của từng quân. Trong đó quân bài số 2 là lớn nhất (quân 2 được chặt các quân còn lại), các quân còn lại được xếp từ 3 đến A (át) có giá trị tăng dần. Ván đầu tiên ai chia bài thì được đánh trước, các ván tiếp ai thắng ván liền trước đó thì được đánh trước (gọi là người cầm cái). Sau khi chia bài người cầm cái được quyền hô Sâm, nếu người cầm cái không Sâm thì lần lượt những người còn lại được quyền hô Sâm. Sâm được quy định là có 10 quân bài cùng màu đỏ hoặc màu đen hoặc có 05 đôi cùng số, hoặc có một hay nhiều dãy quân bài liên tiếp nhau mà những người chơi cùng không ai bắt được. Nếu có người Sâm mà những người cùng chơi không ai bắt được thì mỗi người phải trả cho người Sâm 100.000đ. Nếu trong ván bài không có người Sâm thì người cầm cái đánh trước. Người thắng là người đánh hết 10 quân bài trên tay đầu tiên, những người thua phải trả cho người thắng tương ứng với số quân bài còn lại trên tay, mỗi quân bài là 5.000đ. Nếu trong ván bài có người không đánh được quân bài nào thì gọi là “ Treo” thì người đó phải trả cho người thắng 80.000 đ. Nếu trong ván bài chơi có người đánh quân 2 mà bị người chơi cùng chặn bằng 04 quân bài cùng số (chặt tứ quý) thì người đó phải trả cho người chặt tứ quý 80.000đ.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cả 4 bị can đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS mà 4 bị can được hưởng. Các bị can Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K, Thiều Thị Minh T phạm tội ít nghiêm trọng, bản thân các bị can đều có nhân thân

tốt, chưa có tiền án tiền sự nên lần phạm tội này của ba bị can này được xác định là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 BLHS. Riêng bị can Nguyễn Đức L có nhân thân tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/HSST ngày 29/12/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Cả 4 bị can không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tài sản, đồ vật tạm giữ: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng số IMEI 1: 869125023027936, số IMEI 2: 869125623027928 bên trong lắp sim số: 0915573503 và 0779295863 tạm giữ của Nguyễn Đức L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu vàng đồng số IMEI 1: 980028002936859. Số IMEI 2: 980028002936867 bên trong lắp sim số 0399199350 tạm giữ của Thiều Thị Minh T; 01 chiếc điện thoại di động PHILIPS màu vàng số IMEI 1: 8699220021476953; số IMEI 2: 868922021577958 bên trong lắp sim số 0912785578 và 0963126609 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh số IMEI 1: 8679070304470965, số IMEI 2 867907030510976 bên trong lắp sim số 0829611560 tạm giữ của Nguyễn Thị Bích T; 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số IMEI: 356215042157868 bên trong lắp sim số 0977297408 tạm giữ của Nguyễn Thị K kết quả điều tra xác định được toàn bộ số điện thoại nêu trên các bị can dùng để liên lạc cá nhân không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã P đã trả lại cho các bị can là phù hợp.

Hành vi đánh bạc của Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T thực hiện được chứng minh bằng các tài liệu như: biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của các đối tượng cùng tham gia đánh bạc, lời khai người làm chứng, lời nhận tội của các bị cáo và các tài liệu điều tra khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-TXPT ngày 08/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T phạm tội: “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s, v khoản 1 điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 25.000.000đ đến 30.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước

Đề nghị phạt bổ sung bị cáo L từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng các quy định khác theo quy định tại điều luật cho bị cáo L.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy các vật chứng gồm:

52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếc chiếu màn

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.115.000 đồng.

Đề nghị xác nhận Cơ quan điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho bị cáo những tài sản vào ngày 06/3/2019 là hợp pháp các tài sản gồm:

Nguyễn Đức L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng số IMEI 1: 869125023027936, số IMEI 2:869125623027928 bên trong lắp sim số: 0915573503 và 0779295863;

Thiều Thị Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu vàng đồng số IMEI 1: 980028002936859. Số IMEI 2: 980028002936867 bên trong lắp sim số 0399199350;

Nguyễn Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động PHILIPS màu vàng số IMEI 1: 8699220021476953;số IMEI 2: 868922021577958 bên trong lắp sim số 0912785578 và 0963126609 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh số IMEI 1: 8679070304470965, số IMEI 2 867907030510976 bên trong lắp sim số 0829611560;

Nguyễn Thị K 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số IMEI: 356215042157868 bên trong lắp sim số 0977297408.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tự bào chữa cho bản thân, nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không có lời bào chữa nào khác và xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu có giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tổ tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các vấn đề cần giải quyết trong vụ án :

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T đã khai nhận đã có hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra, giải quyết vụ án do đó có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 16 giờ 15 phút, ngày 09/01/2019, tại nhà của Nguyễn Đức L ở Tổ 28, phố L, phường A, thị xã P, L cùng với 03 đối tượng khác là Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi Sâm được thua bằng tiền, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P phát hiện quả tang bắt và thu giữ số tiền dùng để đánh bạc là: 5.115.000 (Năm triệu một trăm mười lăm ngàn đồng) cùng toàn bộ công cụ phương tiện đánh bạc. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn cả 04 đối tượng đều là người thực hiện.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của Nguyễn Đ, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 – BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000đ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung của tội phạm.

Xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Đối với bị cáo L là người chuẩn bị công cụ phạm tội và đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc” (Đã được xóa án tích), nhưng do hám lời nên vẫn ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra gia đình bị cáo có anh trai là liệt sỹ, được địa phương xác nhận hiện nay bị cáo có trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ nên HĐXX xem xét chiếu cố cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 - BLHS và không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào có nơi cư trú ổn định. Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên HĐXX xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần buộc bị cáo bằng hình thức cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú cũng đủ cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo T là một đảng viên đã từng công tác trong cơ quan Nhà nước và đã được nghỉ chế độ, có điều kiện để nhận thức pháp luật, nhưng không tu dưỡng, gương mẫu, nên cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, tham

gia đánh bạc với số tiền lớn nhất so với các bị cáo còn lại (Hai triệu đồng). Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong thời gian công tác bị cáo có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều Bằng khen do đó HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i,s,v khoản 1 Điều 51 – BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú ổn định, bị cáo có điều kiện kinh tế và sự khoan hồng của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo T và bị cáo K tham gia đánh bạc với một cách tích cực và cũng có đủ điều kiện để nhận thức pháp luật, nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân, mà cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51- BLHS các bị cáo và không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và cũng có tài sản, có điều kiện kinh tế nên cũng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần buộc bị cáo bằng hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 - BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, qua điều tra xác minh bị cáo L có tài sản là nhà, đất, do đó cần phạt bổ sung bị cáo để sung quỹ Nhà nước là phù hợp. Đối với bị cáo T, bị cáo T và bị cáo K đã bị phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 – BLHS người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ

cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự, nhưng xét thấy hiện nay bị cáo L, không có nghề nghiệp, nên HĐXX cho miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng các quy định khác theo quy định tại điều luật cho bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng:

Đối với số tiền 5.115.000đ thu giữ tại chiếu bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Cần xác nhận Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng số IMEI 1: 869125023027936, số IMEI 2: 869125623027928 bên trong lắp sim số: 0915573503 và 0779295863; Trả lại cho bị cáo Thiều Thị Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu vàng đồng số IMEI 1: 980028002936859. Số IMEI 2: 980028002936867 bên trong lắp sim số 0399199350; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động PHILIPS màu vàng số IMEI 1: 8699220021476953; số IMEI 2: 868922021577958 bên trong lắp sim số 0912785578 và 0963126609 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh số IMEI 1: 8679070304470965, số IMEI 2 867907030510976 bên trong lắp sim số 0829611560 và trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số IMEI: 356215042157868 bên trong lắp sim số 0977297408 vào ngày 06/3/2019 là hợp pháp.

Các vật chứng còn lại cần tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã P phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1,3 điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 2,3 Điều 35; Khoản 1,2 Điều 36 – BLHS; Điểm d khoản 1 Điều 125 – BLTTHS (Đối với bị cáo L);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 231, Điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Khoản 1,3 Điều 35 – BLHS; Điểm d khoản 1 Điều 125 – BLTTHS (Đối với bị cáo T).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 231, Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1,3 Điều 35 – BLHS; Điểm d khoản 1 Điều 125 – BLTTHS (Đối với bị cáo T và bị cáo K).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L **15 (Mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải chấp hành **14 (Mười bốn) tháng 21 (Hai mươi một)** ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L và cho UBND phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng các quy định khác theo quy định tại điều luật cho bị cáo L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 30.000.000đ (Ba mươi) triệu đồng nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Thiều Thị Minh T 25.000.000đ (Hai mươi lăm) triệu đồng nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 25.000.000đ (Hai mươi lăm) triệu đồng nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, bị cáo T và bị cáo K.
Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/2019/LCĐKNCT, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo Nguyễn Đức L.
Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/2019/LCĐKNCT, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T.
Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/2019/LCĐKNCT, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo Thiều Thị Minh T.
Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 32/2019/LCĐKNCT, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo Nguyễn Thị K.

[2] Về vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a,b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 5.115.000đ (Năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Xác nhận cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại các tài sản vào ngày 06/3/2019 cho những người sau:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng số IMEI 1: 869125023027936, số IMEI 2: 869125623027928 bên trong lắp sim số: 0915573503 và 0779295863;

Trả lại cho bị cáo Thiều Thị Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu vàng đồng số IMEI 1: 980028002936859. Số IMEI 2: 980028002936867 bên trong lắp sim số 0399199350;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động PHILIPS màu vàng số IMEI 1: 8699220021476953; số IMEI 2: 868922021577958 bên trong lắp sim số 0912785578 và 0963126609 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh số IMEI 1: 8679070304470965, số IMEI 2 867907030510976 bên trong lắp sim số 0829611560;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số IMEI: 356215042157868 bên trong lắp sim số 0977297408 vào là hợp pháp.

Tịch thu cho tiêu hủy các vật chứng còn lại gồm:
52 quân bài tú lơ khơ (Đã qua sử dụng) và 01 chiếc chiếu màn hình (đã qua sử dụng).

(Các vật chứng đều có tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 10/4/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã P và Chi cục thi hành án dân sự thị xã P).

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị K và Thiều Thị Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo (Có mặt) được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi gửi:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBKT thị ủy thị xã Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- UBND phường Hùng Vương;
- UBND phường Âu Cơ;
- UBND phường Trường Thịnh;
- Sở tư pháp;
- THA HS;
- Chi cục THADS;
- Bi cáo;
- Lưu HS -VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy